

CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT
ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Hòa Mi

1.2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: Bon Bu Sóp, xã Đắk Nĩa, thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0988071396; Email: maugiaohoamyn@gmail.com

Website: <https://c0hoamy.pgdgianghia.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục Trường Mầm non công lập

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mạng: Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

Mục tiêu: Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo.

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm Non Hòa Mi được tách ra từ trường Nguyễn Thị Chiên số 338/QĐ-CTUBND ngày 08 tháng 8 năm 2006.

Trường có 3 điểm trường, 1 điểm chính tọa lạc tại Bon Bu Sóp, xã ĐăkNia, Thành phố Gia Nghĩa, 1 điểm tại thôn ĐăkTân và 1 điểm tại Bon Sê Rê ú. Gần 20 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (theo QĐ số 2099/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018).

Nhà trường đạt Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh ĐăkNông đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023 (Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 29/8/2023).

Chi ủy, Chi bộ được Đảng bộ xã ĐăkNia tặng giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2023. Tập thể Công đoàn, Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Hòa Mi luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Lê Thị Lan

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hòa Mi, Bon Bu Sóp, xã Đăk nia, thành phố Gia nghĩa, Tỉnh Đăk Nông

Điện thoại: 0988071396

Email: lemailandn@gmail.com

1.7. Tổ chức bộ máy:

Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc thành lập Hội đồng trường của Trường Mầm non Hòa Mi nhiệm kỳ 2022 - 2027.

Tờ trình số 23/TTr-HM ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Trường mầm non Hoa Hòa về việc đề nghị kiện toàn Hội đồng trường của Trường Mầm non Hòa Mi nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Danh sách thành viên hội đồng trường

Stt	Họ tên	Chức vụ	Chức danh
01	Lê Thị Lan	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng

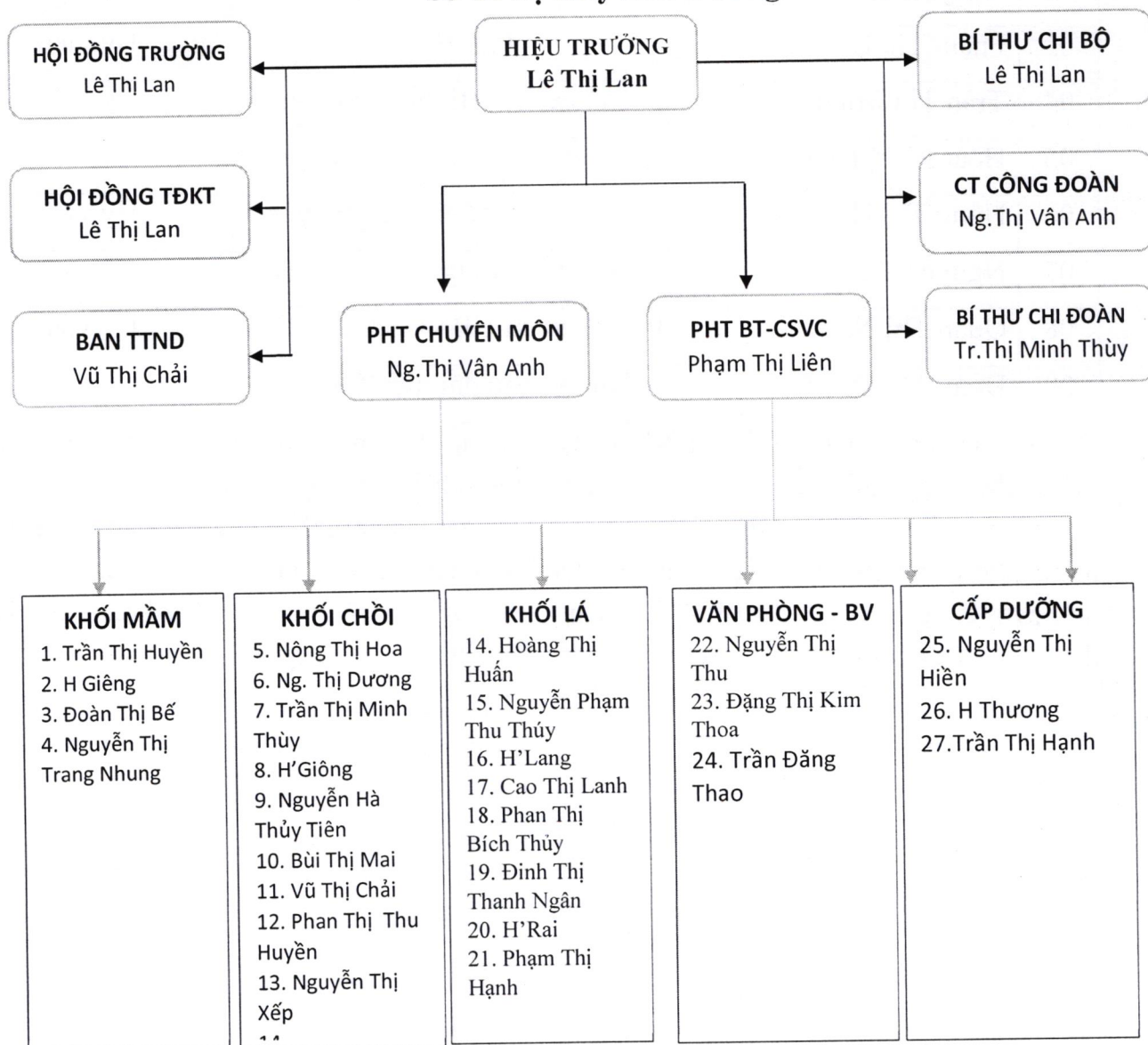
02	Nguyễn Thị Vân Anh	Phó HT - Chủ tịch công đoàn	PCT Hội đồng
03	Phạm Thị Liên	Phó HT	Ủy viên
04	Trần Thị Minh Thùy	Giáo viên - Bí thư chi đoàn	Ủy viên
05	Hoàng Thị Huân	Giáo viên - Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên
06	Nông Thị Hoa	Giáo viên - Tổ trưởng chuyên	Ủy viên
07	Nguyễn Thị Thu	Y tế – Tổ trưởng tổ văn phòng	Thư ký
08	Quản Thị Ngọc	Phó chủ tịch UBND xã Đăk Nia	Ủy viên
09	Đoàn Thị Duyên	Trưởng ban đại diện CMHS	Ủy viên

Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 2 tháng 2 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng Lê Thị Lan;

Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Vân Anh;

Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Phạm Thị Liên.

Sơ đồ bộ máy nhà trường



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

Stt	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32	0	0	26	0	1	5
I	Giáo viên	22			22		0	
1	Nhà trẻ	-						
2	Mẫu giáo	22			22		0	
II	Cán bộ quản lý							

1	Hiệu trưởng	1			1			
2	P.Hiệu trưởng	2			2			
II	Nhân viên							
1	Nhân viên Văn thư	-						
2	Nhân viên Kế toán	1			1			
3	Thủ quỹ	-						
4	Nhân viên Y tế	1					1	
5	Nhân viên Cấp dưỡng	3						3
6	Nhân viên phục vụ	1						1
7	Bảo vệ	1						1

2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Stt	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024- 2025
1	Cán bộ quản lý	3	3
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên	21	22
	Số lượng	21	21
	Tỷ lệ	100%	100%

2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Stt	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024- 2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	21	21
	Tỷ lệ	100%	100%
3	Nhân viên		
	Số lượng		
	Tỷ lệ		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Stt	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024- 2025	Yêu cầu theo quy định
-----	----------	---------------------	--------------------	-----------------------

1	Diện tích khu đất xây dựng			
	Điểm trường			
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ			
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng			
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ			
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	10	11	
	Phòng vệ sinh	10	11	
	Phòng ngủ	0	0	
	Phòng khác	0	0	
2.2	Khối phòng phục vụ học tập			
	Thư viện	01	01	
	Phòng thể chất	01	01	
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	01	01	
	Phòng khác	02	02	
2.3	Khối phòng tổ chức ăn			
	Nhà bếp	01	01	
	Nhà kho	01	01	
	Phòng khác			
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị			
	Phòng hiệu trưởng	01	01	
	Phòng phó hiệu trưởng	02	02	
	Văn phòng trưởng	01	01	
	Phòng họp	-	-	
	Phòng hành chính quản trị (KT)	01	01	
	Phòng bảo vệ	01	01	
	Phòng y tế	01	01	
	Phòng truyền thống	-	-	
	Phòng nhân viên	-	-	
	Phòng khác	-	-	
2.5	Khối công trình công cộng			
	Nhà xe giáo viên	01	01	
	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	11	11	
	Số lượng đồ chơi ngoài trời	11	11	
	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác			
	Ti vi - Nhạc cụ	10	10	
	Máy Photo			

	Catsset			
	Đầu Video/đầu đĩa			
	Đàn organ	04	04	
	Máy vi tính văn phòng	05	05	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kết quả tự đánh giá Trường Mầm non Hòa Mi tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.
- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (Kế hoạch số /KH-HM ngày)

4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

- Kết quả đánh giá và công nhận: Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 Quyết định số 255/QĐ-SGDĐT ngày 10/10/2016 và công nhận lại Quyết định số 1543/QĐ-SGDĐT ngày 16/12/2024. Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 và công nhận lại Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 27/12/2024).
- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2024 -2025: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước

Stt	Nội dung	Năm học 2023 -2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	10	11
2	Tổng số trẻ	277	281
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	28	26
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	277	281
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	277	281
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	277	281
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	100%	100%
8	Số trẻ khuyết tật	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH					ĐVT: Đồng
I. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
Mục	Nội dung chi	Số tiền			Ghi chú
	I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4,229,452,000			
6000	Tiền lương	1,841,681,000			
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	46,740,000			
6100	Phụ cấp lương	1,485,910,000			
6250	Phúc lợi tập thể	56,830,000			
6300	Các khoản đóng góp	507,231,000			
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	29,611,184			
6550	Vật tư văn phòng	47,578,000			
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6,065,000			
6700	Công tác phí	15,400,000			
6750	Chi phí thuê mướn	14,500,000			
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	62,022,000			
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	66,105,816			
7050	Mua sắm tài sản vô hình	9,000,000			
7750	Chi khác	40,778,000			
	II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	226,641,000			
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	5,297,000			
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	24,920,000			
6200	Tiền thưởng	107,701,000			
6300	Các khoản đóng góp	903,000			
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	24,320,000			
6550	Vật tư văn phòng	14,652,000			
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	35,348,000			
7750	Chi khác	13,500,000			
	Tổng cộng	4,456,093,000			
II. CÁC KHOẢN DỊCH VỤ PHỤC VỤ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2024-2025					
					ĐVT: Đồng
STT	Số tiền				Ghi chú

	Diễn giải	Số dư năm trước chuyển sang	Thu	Chi	Tồn	
I	CÁC KHOẢN THU THEO NQ 06, NQ13	3,560,601	1,354,152,881	1,343,906,529	13,806,953	
1	Tiền ăn	3,560,601	789,495,881	789,828,625	3,227,857	
2	Tiền chăm sóc giấc ngủ	0	262,550,000	262,550,000	0	
3	Tiền thuê người nấu ăn	0	231,129,000	231,122,134	6,866	
4	Tiền trang bị đồ dùng bán trú	0	31,504,000	21,787,000	9,717,000	
5	Nước uống tại lớp cho học sinh	0	17,664,000	16,930,770	733,230	
6	Tiền thuê người dọn nhà vệ sinh học sinh	0	21,810,000	21,688,000	122,000	
II	TIỀN CHĂM SÓC SKBD		12,910,592	0	12,910,592	
	TỔNG CỘNG (I+II)	3,560,601	1,367,063,473	1,343,906,529	26,717,545	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn.

Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

Năm học 2024 – 2025 nhà trường có 2 giáo viên đang học và kết thúc nâng chuẩn đại học vào tháng 12 năm 2024.

7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, Hội chữ thập đỏ tỉnh và thành phố đã kết nối với các nhà từ thiện, mạnh thường quân và phụ huynh học sinh tài trợ như: 70 phần quà trung thu và 30 phần quà tết cho học sinh; 04 ghế đá; 22 ghế nhựa đúc; 200 quyển vở viết và 120 cái bút chì; 02 máy lọc nước, 02 bồn đựng nước, 1 giếng khoan....

7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn; xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như phần mềm dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý trang web... Sử dụng phần mềm edu bot trong xây dựng kế hoạch soạn giảng, fbot lưu trữ hồ sơ được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo; cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin) trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ./.

Nơi nhận

- PGD&ĐT (b/c)
- CB, GV, NV
- Niêm yết công khai
- Lưu Vt

ĐăkNia, ngày 26 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Lan